TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01/11/2019
"V/v: TrA chấp ly hôn"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Lượng
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông: Nguyễn Hùng Cường
+ Bà: Điểu Thị Hương

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nông Văn Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Ngọc Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 215/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "TrA chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hõan phiên tòa số: 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm: 1981 (có mặt)
2. Bị đơn: ông Hà Ngọc A, sinh năm: 1958 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các biên bản làm việc với Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Hà Ngọc A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 20/9/2010. Từ khi kết hôn và về chung sống với nhau khoảng được 01(một) tháng thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Do đó, vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà nhận thấy, vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân nên bà Nguyễn Thị Thúy D làm đơn yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Hà Ngọc A.

Về con chung: Chưa có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Hà Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt.

Tại các biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân huyện B với Trưởng Thôn 2, xã TH là ông Lê Đức B, ông cho biết gia đình vợ chồng bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Hà Ngọc A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Hà Ngọc A thường xảy ra những mâu thuẫn, hay cãi vã, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau từ khoảng năm 2012 cho đến nay. Giữa bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Hà Ngọc A không có con chung.

Tòa án không tiến hành hòa giải được

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, ã chấp hành đúng quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Vị đại diện Viện kiểm sát đưa ra điều luật áp dụng để HĐXX xem xét áp dụng và đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho bà Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với ông Hà Ngọc A. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ ý kiến trình bày và trA luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, HĐXX nhận định.

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy D thuộc trường hợp "TrA chấp ly hôn*"* được quy định tại khoản 2 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đang cư trú và có đăng ký hộ khẩu tại xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ông Hà Ngọc A vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông Hà Ngọc A vẫn vắng mặt, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xác minh, giao nhận văn bản tố tụng; Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn theo quy định của pháp luật, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Hà Ngọc A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 96 ngày 20/9/2010. Xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyễn nhân dẫn đến ly hôn là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và nhiều vấn đề khác không đồng thuận nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân gần 07 năm nay mà không hàn gắn được. Nên Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị

Thúy D và ông Hà Ngọc A đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy D.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Hà Ngọc A chua có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Hà Ngọc A không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn ông Hà Ngọc A.
2. *Về con chung:* Chưa có con chung nên không xem xét
3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.
4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà Nguyễn Thị Thúy D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thúy D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016420 ngày 16/7/2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kề từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kệ từ ngày bản án được niêm yết công khai.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Trần Văn Lượng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu.